

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-BLĐTBXH ngày 29 tháng 2 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 24/TTr-SLĐTBXH ngày 06 tháng 3 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị

bãi bỏ lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và:

- Thay thế thủ tục hành chính số 2 và số 3 khoản III mục C, Danh mục kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 6 và số 10 khoản III mục A, Danh mục kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum

- Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định. Chỉ đạo thực hiện việc cập nhật, công khai dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo đúng hướng dẫn tại Công văn số 143/UBND-TTHCC ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để t/h);
- Bộ Lao động - TB&XH (để b/c);
- Cục kiểm soát TTHC-VPCP (để b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + CVP, Các PCVP (để c/đ);
- + Trung tâm PVHCC tỉnh (để t/h);
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh (để t/h);
- Viễn thông Kon Tum (để p/h);
- Lưu: VT, TTHCC.LHP.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 154 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (CẤP XÃ): 02 TTHC**

| STT | Mã số TTHC                         | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                          | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cách thức thực hiện |            |                    |
|-----|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|--------------------|
|     |                                    |                                                                          |                                                  |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Trực tiếp           | Trực tuyến | Bưu chính công ích |
| I   | Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (02 TTHC) |                                                                          |                                                  |                                                  |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                     |            |                    |
| 1   | 1.001699.000.000.H34               | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật | 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã | Không       | - Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;<br>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;<br>- Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức | x                   | x          | x                  |

|   |                            |                                           |                                                  |                                                  |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |
|---|----------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|
|   |                            |                                           |                                                  |                                                  |       | <p>độ khuyết tật thực hiện;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư Liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.</li> </ul> |   |   |   |
| 2 | 1.001653.000.0<br>0.00.H34 | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã | Không | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</li> <li>- Thông tư số</li> </ul>                                                                                                                                                                                                | x | x | x |

|  |  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  | <p>01/2019/TT-<br/>BLĐTBXH ngày 02<br/>tháng 01 năm 2019 của<br/>Bộ Lao động - Thương<br/>binh và Xã hội quy<br/>định về việc xác định<br/>mức độ khuyết tật do<br/>Hội đồng xác định mức<br/>độ khuyết tật thực hiện;</p> <p>- Thông tư số<br/>08/2023/TT-<br/>BLĐTBXH ngày 29<br/>tháng 8 năm 2023 của<br/>Bộ Lao động - Thương<br/>binh và Xã hội sửa đổi,<br/>bổ sung, bãi bỏ một số<br/>điều của các Thông tư,<br/>Thông tư Liên tịch có<br/>quy định liên quan đến<br/>việc nộp, xuất trình sổ<br/>hộ khẩu, sổ tạm trú<br/>giấy hoặc giấy tờ có<br/>yêu cầu xác nhận nơi<br/>cư trú khi thực hiện thủ<br/>tục hành chính thuộc<br/>lĩnh vực quản lý của<br/>Bộ Lao động - Thương<br/>binh và xã hội.</p> |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (CẤP TỈNH): 02 TTHC**

| STT       | Mã số TTHC                                | Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính                                                                                                                           | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----------|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (02 TTHC)</b> |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1         | 1.001310.000.0<br>0.00.H34                | Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em | Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư Liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội. |
| 2         | 1.001305.000.0<br>0.00.H34                | Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

**Tổng cộng: 04 Thủ tục hành chính** (trong đó: 02 thủ tục sửa đổi, bổ sung cấp xã; 02 thủ tục bị bãi bỏ cấp tỉnh).